

**Phụ lục V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/07/2025/BC-TNV.....

TP.HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**(6 tháng)**

Kính gửi       - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
                      - Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây Dựng
- Địa chỉ trụ sở chính: 152/1A Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.39320678   Fax: 028.39320679   Email: [info@investco.com.vn](mailto:info@investco.com.vn)
- Vốn điều lệ: 208.097.020.000 đồng
- Mã chứng khoán: ING
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|--------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/03/2025/NQ-ĐHĐCĐ      | 31/03/2025 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 của HĐQT;</li><li>- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 của BKS;</li><li>- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025;</li><li>- Thông qua BCTC năm 2024 đã được kiểm toán;</li><li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024;</li><li>- Thông qua Danh sách kiểm toán</li></ul> |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|--------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                          |      | <p>thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC trong năm 2025;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua mức thù lao của HĐQT và mức tiền lương, thù lao của BKS năm 2025;</li> <li>- Thông quan Báo cáo kết quả thực hiện nhận vốn góp theo các Hợp đồng về việc góp vốn hợp tác đầu tư thực hiện Dự án Khu dân cư Investco Green City – Khu chức năng số 7, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM;</li> <li>- Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện việc vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây Dựng và Công ty Cổ phần Him Lam;</li> <li>- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Phan Văn Danh, ông Lê Hoàng Ân;</li> <li>- Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2025 đối với ông Nguyễn Thái Thịnh, bà Ngô Thị Nhu.</li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                       |                                                            | Ngày bổ nhiệm                                          | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Nguyễn Tuấn Kiệt  | Chủ tịch HĐQT                                              | 08/03/2021                                             |                 |
| 2   | Bà Ngô Thị Nhu        | Thành viên HĐQT                                            | 31/03/2025                                             |                 |
| 3   | Ông Nguyễn Thái Thịnh | Thành viên HĐQT (không điều hành)                          | 31/03/2025                                             |                 |
| 4   | Ông Phan Văn Danh     | Thành viên HĐQT                                            | 26/07/2023                                             | 31/03/2025      |



|   |                 |                                      |            |            |
|---|-----------------|--------------------------------------|------------|------------|
| 5 | Ông Lê Hoàng Ân | Thành viên HĐQT<br>(không điều hành) | 03/11/2022 | 31/03/2025 |
|---|-----------------|--------------------------------------|------------|------------|

2. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT       | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không<br>tham dự họp |
|-----|-----------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Tuấn Kiệt  | 6/6                         | 100%              |                            |
| 2   | Bà Ngô Thị Nhu        | 2/6                         | 33,33%            | Chưa được bầu              |
| 3   | Ông Nguyễn Thái Thịnh | 2/6                         | 33,33%            | Chưa được bầu              |
| 4   | Ông Phan Văn Danh     | 4/6                         | 66,66%            | Đã miễn nhiệm              |
| 5   | Ông Lê Hoàng Ân       | 4/6                         | 66,66%            | Đã miễn nhiệm              |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Giám sát các quyết định của TGD đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động hằng ngày của Công ty;

- Giám sát việc thực hiện các Chiến lược, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Giám công tác tuyển dụng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty;
- Giám việc tuân thủ Điều lệ, quy định pháp luật của TGD;
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định;
- Giám sát các công tác khác mà TGD được HĐQT phân công, chỉ đạo.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 01/01/2025/NQ-HĐQT           | 15/01/2025 | Thông qua việc thay đổi lãi suất vay của giao dịch vay vốn giữa Công ty và Công ty Cổ phần Him Lam                                                                                 | 100%               |
| 2   | 01/02/2025/NQ-HĐQT           | 11/02/2025 | Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty, thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 | 100%               |
| 3   | 01/03/2025/NQ-HĐQT           | 03/03/2025 | Duyệt chương trình, nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty                                                                                                       | 100%               |
| 4   | 02/03/2025/NQ-HĐQT           | 18/03/2025 | Duyệt nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 sửa đổi, bổ sung                                                                                                                | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                            | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 5   | 01/04/2025/NQ-HĐQT        | 08/04/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty | 100%            |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS          | Chức vụ                  | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-------------------------|--------------------------|------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Bà Đỗ Thị Hồng          | Trưởng Ban kiểm soát     | Ngày bắt đầu là TV BKS: 03/03/2021       | Cử nhân – Kế toán   |
| 2   | Bà Nguyễn Trang Kim Yến | Thành viên Ban kiểm soát | Ngày bắt đầu là TV BKS: 03/11/2022       | Cử nhân – Kế toán   |
| 3   | Bà Mai Thị Diệu         | Thành viên Ban kiểm soát | Ngày bắt đầu là TV BKS: 03/11/2022       | Cử nhân – Kế toán   |

#### 2. Cuộc họp của BKS

| STT | Thành viên BKS          | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Bà Đỗ Thị Hồng          | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Bà Nguyễn Trang Kim Yến | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Bà Mai Thị Diệu         | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |

#### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông:

- Giám sát việc quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động Công ty của HĐQT, TGD;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT của HĐQT, TGD;
- Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ Điều lệ, quy định pháp luật trong hoạt động của HĐQT, TGD;
- Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Giám sát, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, TGD;
- Giám sát, rà soát, kiểm tra, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho công ty.

#### 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- BKS, HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác có sự phối hợp chặt chẽ với nhau.
- BKS nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, TGD trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu khi có yêu cầu.



5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

#### IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Chức vụ       | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Bà Ngô Thị Nhu           | 20/11/1992          | Tổng Giám đốc | Cao đẳng kế toán    | Bổ nhiệm:<br>31/03/2025                           |
| 2   | Ông Phan Văn Danh        | 11/11/1981          | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ kỹ thuật    | Miễn nhiệm:<br>31/03/2025                         |

#### V. Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----|-------------------|---------------------|-------------------------------|--------------------------|
| 1   | Bà Đinh Thị Phụng | 30/09/1983          | Đại học – Kế toán             | Bổ nhiệm: 20/05/2024     |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Những người quản lý khác, Người phụ trách quản trị công ty tự hoàn thiện và bổ sung các kiến thức về quản trị Công ty theo các thông lệ tốt nhất và tuân thủ các tiêu chí, quy định của pháp luật.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)    | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Kiệt    |                                          | Chủ tịch HĐQT                   |                                     |                                          | 08/03/2021                              |                                           | Được bầu làm TV HĐQT | Người nội bộ                      |
| 2   | Phan Văn Danh       |                                          | Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT |                                     |                                          | 03/04/2023                              | 31/03/2025                                | Miễn nhiệm TV HĐQT   | Người nội bộ                      |
| 3   | Lê Hoàng Ân         |                                          | Thành viên HĐQT                 |                                     |                                          | 03/11/2022                              | 31/03/2025                                | Miễn nhiệm TV HĐQT   | Người nội bộ                      |
| 4   | Ngô Thị Nhu         |                                          | Thành viên HĐQT                 |                                     |                                          | 31/03/2025                              |                                           | Được bầu làm TV HĐQT | Người nội bộ                      |
| 5   | Nguyễn Thái Thịnh   |                                          | Thành viên HĐQT                 |                                     |                                          | 31/03/2025                              |                                           | Được bầu làm TV HĐQT | Người nội bộ                      |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)     | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                           | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|----------------------|------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| 6   | Đỗ Thị Hồng          |                                          | Trưởng BKS                       |                                     |                                      | 03/03/2021                              |                                           | Được bầu làm TV BKS             | Người nội bộ                      |
| 7   | Nguyễn Trang Kim Yến |                                          | Thành viên BKS                   |                                     |                                      | 03/11/2022                              |                                           | Được bầu làm TV BKS             | Người nội bộ                      |
| 8   | Mai Thị Diệu         |                                          | Thành viên BKS                   |                                     |                                      | 03/11/2022                              |                                           | Được bầu làm TV BKS             | Người nội bộ                      |
| 9   | Đinh Thị Phụng       |                                          | Kế toán trưởng                   |                                     |                                      | 20/05/2024                              |                                           | Được bổ nhiệm làm KTT           | Người nội bộ                      |
| 10  | Nguyễn Lê Thanh Liêm |                                          | Người Phụ trách quản trị công ty |                                     |                                      | 24/08/2023                              |                                           | Được bổ nhiệm làm NPTQT Công ty | Người nội bộ                      |
| 11  | Nguyễn Thị Ngọc      |                                          |                                  |                                     |                                      | 14/06/2024                              |                                           | sở hữu trên 10% cổ              | Cá nhân sở hữu trên 10% cổ        |



| STT | Tên tổ chức/cá nhân   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                                        | Mối quan hệ liên quan với công ty                    |
|-----|-----------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|     |                       |                                          |                              |                                     |                                          |                                         |                                           | phiếu có quyền biểu quyết                    | phiếu có quyền biểu quyết                            |
| 12  | Nguyễn Thị Hà         |                                          |                              |                                     |                                          |                                         |                                           | sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết | Cá nhân sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết |
| 13  | Nguyễn Thị Thanh Bình |                                          |                              |                                     |                                          |                                         |                                           | sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết | Cá nhân sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết |



Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch                                                                                                                  | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Kiệt    | Chủ tịch HĐQT                     |                                 |                                      |                                 | 01/07/2022/NQ-HĐQT ngày 25/07/2022<br>01/12/2024/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024              | - Cổ đông nắm giữ cổ phần tại Công ty với số lượng: 4.883.913 cổ phần<br>- Ông Kiệt cho Công ty vay số tiền tính đến hết 30/06/2025 là 148.230.792.081 đồng |         |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                           |                          |                  |                                     |         |                                                      |                     |                                            |         |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Họ tên           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú  |
|-----|------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|----------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Kiệt |                                          | Chủ tịch HĐQT                |                                      |                 | 4.883.913                  | 23,47%                        |          |
| 1.1 | Nguyễn Thị Tuyết |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             | Vợ       |
| 1.2 | Nguyễn Thị Dục   |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             | Mẹ       |
| 1.3 | Huỳnh Thị Miêng  |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             | Mẹ vợ    |
| 1.4 | Nguyễn Đức Thịnh |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             | Con      |
| 1.5 | Nguyễn Minh Khoa |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             | Con      |
| 1.6 | Nguyễn Văn       |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             | Anh ruột |



| STT  | Họ tên                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                 |
|------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
|      | Được                                          |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     |                         |
| 1.7  | Nguyễn Thị Nga                                |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị ruột                |
| 1.8  | Nguyễn Thị<br>Tuyết                           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị ruột                |
| 1.9  | Nguyễn Thành<br>Tâm                           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh ruột                |
| 1.10 | Nguyễn Thị Út                                 |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em ruột                 |
| 1.11 | Nguyễn Thị Út<br>Em                           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em ruột                 |
| 1.12 | Nguyễn Thị Sánh                               |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị dâu                 |
| 1.13 | Trần Ngọc Ân                                  |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh rể                  |
| 1.14 | Đổng Ngọc Long                                |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh rể                  |
| 1.15 | Huỳnh Thanh<br>Tòng                           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em rể                   |
| 1.16 | Bùi Thị Kim<br>Tuyết                          |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị dâu                 |
| 1.17 | Công ty Cổ phần<br>Bất động sản<br>Trường Sơn |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Tổ chức có liên<br>quan |
| 1.18 | Công ty Cổ phần<br>Him Lam An<br>Phát         |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Tổ chức có liên<br>quan |

| STT  | Họ tên                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                 |
|------|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
| 2    | Ngô Thị Nhu                      |                                                   | TGD –<br>Thành viên<br>HĐQT        |                                         |                 | 0                                | 0                                   |                         |
| 2.1  | Nguyễn Văn Phi                   |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chồng                   |
| 2.2  | Nguyễn Bích Hà                   |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con ruột                |
| 2.3  | Nguyễn Hoàng<br>Quân             |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con ruột                |
| 2.4  | Ngô Duy Vang                     |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Bồ dề (mất)             |
| 2.5  | Nguyễn Thị Lor                   |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Mẹ dề (mất)             |
| 2.6  | Ngô Văn Cảnh                     |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh ruột                |
| 2.7  | Nguyễn Thị Lan                   |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị dâu (Mất<br>CCCD)   |
| 2.8  | Ngô Duy Vũ                       |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh ruột                |
| 2.9  | Nguyễn Thị Thảo                  |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị dâu (mất<br>CCCD)   |
| 2.10 | Nguyễn Văn Tiú                   |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố chồng                |
| 2.11 | Lê Thị Phụng                     |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Mẹ chồng                |
| 2.12 | Nguyễn Văn<br>Tuấn               |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Anh chồng               |
| 2.13 | Nguyễn Thị Triển                 |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Chị dâu chồng           |
| 2.14 | Nguyễn Văn<br>Tuấn               |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Anh chồng               |
| 2.15 | Lê Thị Lành                      |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Chị dâu chồng           |
| 2.16 | Công ty Cổ Phần<br>Xây Dựng Dịch |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Tổ chức có liên<br>quan |



| STT  | Họ tên                                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú                 |
|------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
|      | vụ Sản Xuất<br>Trường Giang                                   |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     |                         |
| 2.17 | Công ty Cổ Phần<br>AVICO                                      |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Tổ chức có liên<br>quan |
| 3    | Nguyễn Thái<br>Thịnh                                          |                                                   | Thành viên<br>HĐQT                 |                                         |                 | 0                                | 0                                   |                         |
| 3.1  | Nguyễn Ngọc Ân                                                |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Cha ruột                |
| 3.2  | Thái Thị Kim<br>Phụng                                         |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ ruột                 |
| 3.3  | Nguyễn Thái<br>Hưng                                           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh ruột                |
| 3.4  | Công ty TNHH<br>Thương mại Dịch<br>vụ Sản xuất Thảo<br>Nguyên |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Tổ chức có liên<br>quan |
| 3.5  | Công ty TNHH<br>Quốc tế Miki                                  |                                                   |                                    |                                         |                 |                                  |                                     | Tổ chức có liên<br>quan |
| 4    | Đỗ Thị Hồng                                                   |                                                   | Trưởng ban<br>kiểm soát            |                                         |                 | 0                                | 0                                   |                         |
| 4.1  | Đỗ Văn Bộn                                                    |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Cha                     |
| 4.2  | Vũ Ngọc Tuyên                                                 |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố chồng                |
| 4.3  | Đỗ Thị Chính                                                  |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ chồng                |
| 4.4  | Vũ Tiến Thành                                                 |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chồng                   |
| 4.5  | Đỗ Văn Bản                                                    |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh trai                |
| 4.6  | Đỗ Thị Hương                                                  |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em gái                  |

| STT | Họ tên                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú   |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------|
| 4.7 | Nguyễn Minh<br>Khuê     |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em rể     |
| 4.8 | Vũ Minh Khang           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con       |
| 4.9 | Vũ Hoàng Vinh           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con       |
| 5   | Nguyễn Trang<br>Kim Yến |                                                   | Thành viên<br>BKS                  |                                         |                 | 0                                | 0                                   |           |
| 5.1 | Nguyễn Văn Dữ           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Cha       |
| 5.2 | Trang Kim Dung          |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ        |
| 5.3 | Lê Đình Chinh           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Cha chồng |
| 5.4 | Phạm Thị Sáu            |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ chồng  |
| 5.5 | Lê Đình Kiên            |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chồng     |
| 5.6 | Lê Đình Nguyên          |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con       |
| 5.7 | Nguyễn Thành<br>Hưng    |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh ruột  |
| 6   | Mai Thị Diệu            |                                                   | Thành viên<br>BKS                  |                                         |                 | 0                                | 0                                   |           |
| 6.1 | Mai Sỹ Huynh            |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố đẻ     |
| 6.2 | Nguyễn Thị Hữu          |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ đẻ     |
| 6.3 | Chu Đình Xuân           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố chồng  |
| 6.4 | Trịnh Thị Diên          |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ chồng  |
| 6.5 | Chu Đình Xinh           |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chồng     |
| 6.6 | Mai Sỹ Hùng             |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh trai  |



| STT  | Họ tên                                                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú              |
|------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| 6.7  | Nguyễn Thị Thu                                                     |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị dâu              |
| 6.8  | Mai Thị Dung                                                       |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị gái              |
| 6.9  | Lê Nguyễn Hồng                                                     |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh rể               |
| 6.10 | Mai Sỹ Duẩn                                                        |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em trai              |
| 6.11 | Chu Đình Việt<br>Anh                                               |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con đẻ               |
| 6.12 | Chu Đình Nguyên                                                    |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con đẻ               |
| 6.13 | Công ty Cổ phần<br>Thương mại Dịch<br>vụ Xây dựng Đại<br>Đồng Tiến |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Tổ chức liên<br>quan |
| 7    | <b>Đình Thị<br/>Phượng</b>                                         |                                                   | Kế toán<br>trưởng                  |                                         |                 | 0                                | 0                                   |                      |
| 7.1  | Lê Minh Tu                                                         |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chồng                |
| 7.2  | Lê Minh Diệu<br>Minh                                               |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Con                  |
| 7.3  | Đình Thế Loan                                                      |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố đẻ                |
| 7.4  | Hoàng Thị Loan                                                     |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ đẻ                |
| 7.5  | Đình Văn Kinh                                                      |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em Trai              |
| 7.6  | Đình Văn Trọng                                                     |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em Trai              |
| 7.7  | Đỗ Diệu Linh                                                       |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em Dâu               |
| 7.8  | Nguyễn Thị Dung                                                    |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em Dâu               |

| STT  | Họ tên                                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)     | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú              |
|------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| 7.9  | Công ty TNHH<br>Đầu tư Thương<br>mại Dịch vụ Hữu<br>Nhân |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Tổ chức liên<br>quan |
| 8    | <b>Nguyễn Lê<br/>Thanh Liêm</b>                          |                                                   | Người Phụ<br>trách quản<br>trị công ty |                                         |                 | 0                                | 0                                   |                      |
| 8.1  | Lê Thúy Hằng                                             |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Vợ                   |
| 8.2  | Nguyễn Thanh<br>Lịch                                     |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố đẻ                |
| 8.3  | Lê Phương Trúc                                           |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ đẻ                |
| 8.4  | Lê Mạnh Hùng                                             |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Bố vợ                |
| 8.5  | Trịnh Thị Thanh<br>Huyền                                 |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Mẹ vợ                |
| 8.6  | Nguyễn Lê<br>Phương Hà                                   |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị ruột             |
| 8.7  | Phan Thanh Tuấn                                          |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh rể               |
| 8.8  | Nguyễn Lê Trúc<br>Phượng                                 |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Chị ruột             |
| 8.9  | Trần Hữu Tín                                             |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Anh rể               |
| 8.10 | Nguyễn Lê Thanh<br>Luân                                  |                                                   |                                        |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em ruột              |



| STT  | Họ tên    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Ghi chú |
|------|-----------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 8.11 | Vũ Hải My |                                                   |                                    |                                         |                 | 0                                | 0                                   | Em dâu  |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

| STT | Người thực hiện<br>giao dịch | Quan hệ với người<br>nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua,<br>bán, chuyển đổi,<br>thưởng...) |
|-----|------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------------|
|     |                              |                             | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                          |
|     |                              |                             |                           |       |                            |       |                                                          |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Ghi chú:

Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Tuấn Kiệt

